

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày: 09-7-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2023; về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trung N, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1964 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-8-2023 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Trung N trình bày:

Ngày 13-7-2020 ông có cho bà Trương Thị H vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên tự thỏa thuận và bà H có viết biên nhận cho ông. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng thì bà H sẽ trả lại cho ông số tiền vay vốn gốc, còn tiền lãi bà H sẽ trả hàng tháng. Từ khi vay đến nay bà H không có trả lãi cho ông nhưng có trả được 49.000.000 đồng vốn gốc. Số tiền bà H còn nợ là 51.000.000 đồng, ông có đòi nhiều lần nhưng bà H không chịu trả mà cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC xem xét giải quyết buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay vốn gốc là 51.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 08-5-2024 bà Trương Thị H trình bày như sau:

Bà thừa nhận ngày 13-7-2020, bà có ký biên nhận vay của ông Lê Trung N số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nội dung biên nhận như ông N trình bày là đúng. Bà cũng có đóng lãi cho ông N rất nhiều (bà không có chứng cứ chứng minh bà đóng lãi và cũng không nhớ đóng lãi bao nhiêu), bà cũng trả được vốn gốc là 49.000.000 đồng. Do ông N chửi bà nên bà không trả gốc và lãi nữa. Nếu ông N xin lỗi bà, bà sẽ trả cho ông N mỗi tháng 500.000 đồng đến khi trả xong số tiền 51.000.000 đồng còn nợ.

- Những vấn đề đã thống nhất:

Ông Lê Trung N có cho bà Trương Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng, bà H đã trả cho ông N số tiền 49.000.000 đồng và còn nợ lại 51.000.000 đồng tiền vay vốn gốc.

- Những vấn đề chưa thống nhất:

Nguyên đơn ông Lê Trung N yêu cầu bà Trương Thị H có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay vốn gốc là 51.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà H chỉ đồng ý trả ông N mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả xong 51.000.000 đồng với điều kiện ông N phải xin lỗi bà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung N. Buộc bà Trương Thị H trả cho ông Lê Trung N số tiền vay vốn gốc là 51.000.000 đồng. Buộc bà Trương Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lê Trung N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay”. Đồng thời bị đơn bà Trương Thị H cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Lê Trung N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trương Thị H đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Trung N và bà Trương Thị H.

- Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Trung N yêu cầu bà Trương Thị H trả tiền vay vốn gốc là 51.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bà Trương Thị H chỉ đồng ý trả 51.000.000 đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng kèm theo điều kiện ông N phải xin lỗi bà.

Ông N nộp cho Tòa án nhân dân huyện TC 01 biên nhận ngày 13-7-2020 với số tiền 100.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai bà H cũng thừa nhận có ký tên vào các biên nhận mà ông N nộp cho Tòa án, bà không yêu cầu giám định

chữ ký, chữ viết trong biên nhận. Bà cũng thừa nhận có vay của ông N số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và cũng thừa nhận đã trả vốn gốc 49.000.000 đồng, còn nợ lại ông N số tiền vốn gốc là 51.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.” Như vậy việc ông N cho rằng có cho bà H vay và còn nợ vốn gốc 51.000.000 đồng và biên nhận do ông N nộp bà H đều thừa nhận là có thật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ nhưng 02 lần nhưng bà H đều vắng mặt, không có lời trình bày. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ của bên vay là “ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đối chiếu với các quy định trên cho thấy bà H đã thừa nhận việc vay nợ và ông N đã đòi nhiều lần như vậy bà H phải có nghĩa vụ trả nợ không phụ thuộc vào việc ông N có chửi bà hay không. Nếu bà H có đủ căn cứ ông N xúc phạm bà thì bà khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Từ những tài liệu chứng cứ và lời khai trên đủ cơ sở khẳng định việc ông N cho bà H vay tiền theo biên nhận trên là có thật. Bà H là người thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhân danh cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông N số tiền vay vốn gốc theo biên nhận ngày 13-7-2020 trên với số tiền 51.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét bà Trương Thị H là người cao tuổi (đủ 60 tuổi) và thuộc hộ cận nghèo, thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nếu có yêu cầu và được miễn án phí theo quy định của pháp luật nếu bà làm đơn yêu cầu Tòa án miễn án phí. Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện TC đã thông tin trường hợp của bà đến Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh T để làm việc với bà. Theo thông báo số 305/TB-TGPL ngày 26-6-2024 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh T thì bà H không có yêu cầu trợ giúp pháp lý. Đồng thời Tòa án cũng đã thông báo và cho bà 1 ngày để làm đơn xin miễn án phí nhưng bà không có đơn xin miễn án phí. Do đó bà H phải chịu án phí theo quy định.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Trương Thị H phải chịu án phí đối với yêu cầu của ông N được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung N.

Buộc bà Trương Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Trung N số tiền vốn gốc 51.000.000 (Năm mươi một triệu) đồng. Ông Lê Trung N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trương Thị H chịu 2.550.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Trung N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N tiền tạm ứng án phí 1.275.000 đồng theo biên lai thu số 0000264 ngày 07-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền**